

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 63/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/12/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Lê.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thuý Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Hương T, sinh năm 1984; căn cước công dân số: 075184010...; nơi thường trú: ấp 3, xã Bắc Tân Uyên, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 074092005...; nơi thường trú: ấp H, xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 8 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Hương T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hương T và ông Nguyễn Văn L quen biết nhau một thời gian thì tiến tới hôn nhân; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương

(nay là xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/3/2015. Thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, cùng nhau lo làm ăn, xây dựng kinh tế gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng nhất vào khoảng đầu tháng 10/2024. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt và vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Từ tháng 10/2024, bà T và các con sinh sống bên cha mẹ của bà T; còn ông L sinh sống bên cha mẹ của ông L; vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) người con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 17/7/2018. Hiện tại, các con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung; yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho tới khi các con đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày*:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ông L và bà T quen biết nhau khoảng 03 tháng thì tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/3/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình ông L tại địa chỉ ấp H, xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh được một thời gian thì vợ chồng ra ở riêng. Vợ chồng sống hạnh phúc, tôn trọng lẫn nhau. Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, ai cũng cho mình là người đúng, còn người kia sai; ông L thừa nhận có ham chơi, không tu chí làm ăn và không chăm lo cho vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Từ cuối năm 2023, do nợ nần nên ông L có mang xe của vợ đi cầm cố lấy tiền trả nợ, từ đó mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng; sau đó vợ và các con bỏ về nhà phía ngoại sinh sống, còn ông L về nhà cha mẹ mình sinh sống cho đến nay. Từ đó, vợ chồng ly thân. Ông L nhận thấy mình có lỗi với vợ con nhưng mong muốn bà T tha thứ và cho ông thêm cơ hội để sửa chữa, để con cái có cả cha lẫn mẹ. Ông L nhận thấy vẫn còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn với bà T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 17/7/2018. Hiện nay các con đang sống cùng bà T; thì thoảng ông L có ghé thăm các con. Nếu phải ly hôn thì ông L đồng ý giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho tới khi các con đủ 18 tuổi.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng không có tài sản gì và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 13/10/2025 của cháu Nguyễn Lê Anh K trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn, cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Lê Hương T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xác minh thu thập, hòa giải được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của người tham gia tố tụng, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên: về quan hệ hôn nhân: bà Lê Hương T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L; về con chung: giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 17/7/2018 cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng; ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho tới khi các con đủ 18 tuổi; về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không yêu cầu hội đồng xét xử đặt ra xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Hương T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn L và yêu cầu được quyền nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo lời trình bày của các đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn L hiện đang cư trú tại ấp H, xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Lê Hương T và bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông L theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hương T và ông Nguyễn Văn L là những người đủ điều kiện kết hôn; chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu đề tiến tới hôn nhân; có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã Thường Tân, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/3/2015. Theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà Lê Hương T xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Nguyễn Văn L không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng vào khoảng đầu tháng 10/2024, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng không tôn trọng, thương yêu nhau, không tin tưởng nhau, ghen tuông vô cớ. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2024 cho đến nay. Hai bên đã đưa ra nhiều giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả nên bà T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Lê Hương T và ông Nguyễn Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông L không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp hoà giải để vợ chồng trở lại đoàn tụ hạnh phúc. Yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng bà T và ông L có 02 người con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 17/7/2018. Khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, hiện tại các con chung đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và các con có nguyện vọng được sống với bà T. Do vậy, yêu cầu được nuôi con của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 17/7/2018 mỗi người con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho tới khi các con chung đủ 18 tuổi.

Theo Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con ...*”.

Xét thấy, bà T yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của con chung ở độ tuổi này, phù hợp với quy định tại Điều 110 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Xét thấy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 85 và điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Hương T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bị đơn ông Nguyễn Văn L như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Hương T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

1.2. Về con chung: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 14/9/2015 và Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 17/7/2018 cho bà Lê Hương T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà Lê Hương T và ông Nguyễn Văn L đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

- Ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Lê Anh K, sinh ngày 14/9/2015 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho tới khi con đủ 18 tuổi.

- Ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 17/7/2018 mỗi tháng là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho tới khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Lê Hương T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018172 ngày 17/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Thường Tân, Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Lê

